

Số: 88/GP-UBND

Tân Yên, ngày 21 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của: Công ty Cổ phần tập đoàn Win Pharma tại Văn bản số 1902/CV-MT ngày 19/02/2024 và hồ sơ sau khi đã chỉnh sửa bổ sung; Phòng Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 315/TTr-TNMT ngày 21/3/2024 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND huyện.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần tập đoàn Win Pharma, địa chỉ trụ sở chính tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc thú y” tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc thú y.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Chủ dự án: Công ty Cổ phần tập đoàn Win Pharma.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2400795770 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 05 năm 2016, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 16 tháng 10 năm 2023 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Quyết định chủ trương đầu tư số: 683/QĐ-UBND ngày 25/11/2016; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 441/QĐ-UBND ngày 19/07/2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cấp.

1.5. Mã số thuế: 2400795770.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thuốc thú y.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: dự án thực hiện tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích là 9.196,5 m².

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Thuốc viên: 1.500.000 viên/năm.

+ Thuốc bột: 3 tấn/năm.

+ Thuốc uống: 1.500.000 ống/năm.

+ Thuốc tiêm: 1.500.000 ống/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần tập đoàn Win Pharma:

1. Công ty cổ phần tập đoàn Win Pharma có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần tập đoàn Win Pharma có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải

dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND huyện Tân Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Ngọc Châu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Tân Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Ngọc Châu, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc thú y” tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty cổ phần tập đoàn Win Pharma được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Ngọc Châu, Công ty cổ phần tập đoàn Win Pharma và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 (t/h);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVTNMT;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Hùng

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 88 /GP-UBND ngày 21/3/2024 của UBND huyện Tân Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Gồm 02 nguồn:

- Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án.
- Từ hoạt động sản xuất (hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị sản xuất).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m³/ngày.đêm của dự án qua hệ thống ống dẫn PVC D120 có chiều dài khoảng 150m được xả vào ngòi Cầu Xi tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Ngòi Cầu Xi tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí: Nước thải sinh hoạt của dự án sau khi qua trạm xử lý nước thải tập trung qua hệ thống ống dẫn PVC D120 có chiều dài khoảng 150m được xả vào ngòi Cầu Xi tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang qua 01 điểm xả.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2363965; Y = 405836 (Theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 15m³/ngày.đêm tương đương 0,625 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được tự chảy qua đường ống PVC D120 có chiều dài khoảng 150m được xả vào ngòi Cầu Xi tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ, hàng ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý và trước thải ra ngòi Cầu Xi tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	150
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	10
6	Tổng Nitơ	mg/L	40
7	Tổng Photpho	mg/L	6
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,5
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
10	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải tại 02 khu vệ sinh (nhà vệ sinh khu vực văn phòng, nhà vệ sinh khu vực nhà ăn) được đưa vào xử lý bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn (Kích thước bể tự hoại: 12m³ = 3mx4mx1m; 3,75m³ = 2,5mx1,5mx1m) bằng đường ống PVC D110 có tổng chiều dài L = 115m; sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ nhà bếp được thu gom vào đường ống dẫn PVC D110 có chiều dài L= 50m vào bể lắng cặn, tách dầu mỡ (có song chắn rác). Bể lắng cặn, tách dầu mỡ có thể tích: 1m³ (kích thước bể: dài x rộng x sâu = 1m x 1m x 1m). Bể được xây bằng gạch, trát vữa xi măng, có nắp đậy bằng bê tông cốt thép chày vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sản xuất được thu gom sau khi vệ sinh, rửa dụng cụ các phòng:

phòng thuốc nước, phòng trộn, phòng pha hoá chất, phòng rửa chai lọ, phòng lọc nước RO, sau đó bằng đường ống PVC D110 có tổng chiều dài $L = 115\text{m}$ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất $15\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; Nước thải từ khu vực nhà ăn được tách cặn dầu mỡ; Nước thải sản xuất của nhà máy dẫn về bể gom nước thải sản xuất sau đó sẽ được bơm sang bể phản ứng Fenton trong hệ thống xử lý nước thải, điều chỉnh pH, phản ứng oxi-hóa => Bể điều hòa => bể xử lý theo mẻ SBR. Tại đây sẽ diễn ra quá trình xử lý các chất hữu cơ hòa tan có trong nước thải. Nước thải sẽ được xử lý qua 5 pha trong bể SBR.

Nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường, đảm bảo nước đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột B trước khi xả vào ngòi Cầu Xi tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Công suất thiết kế: $15\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng:

NaOH: 60 kg/tháng

Methanol: 60 kg/tháng.

Clorin: 3 kg/tháng.

Men vi sinh: 4 kg/tháng.

Mật rỉ đường: 20 kg/tháng.

H_2O_2 30%: 100 kg/tháng

FeSO_4 : 20 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Hằng ngày tiến hành kiểm tra, kiểm soát định kỳ hệ thống.

- Lắp đặt các bơm nước thải hoạt động luân phiên, trong trường hợp hỏng bơm thì hệ thống vẫn hoạt động bình thường không bị gián đoạn.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân vận hành hệ thống.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất trạm xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

+ Phải dừng hoạt động trạm xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của trạm và phải dừng hoạt động của trạm.

- Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn: Nước thải qua trạm xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/6/2024 đến ngày 30/6/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: *theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.*

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: *theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.*

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	02 vị trí nước thải đầu vào: + 01 mẫu tại hồ thu gom nước thải sinh hoạt + 01 mẫu tại hồ thu gom nước thải sản xuất	Lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến: Ngày 10/06/2024	pH, BOD5, COD, chất rắn lơ lửng, sunfua, Amoni, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Photpho, tổng nitơ, Coliforms.	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
2	01 vị trí sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, trước khi xả thải ra ngoài Cầu Xi, tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu	Lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần: - Lần 1: Ngày 10/06/2024 - Lần 2: Ngày 11/06/2024 - Lần 3: Ngày 12/06/2024		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện Tân Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Yên và UBND xã Ngọc Châu để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GP-UBND ngày /3/2024 của
UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Gồm 01 nguồn phát sinh từ phân xưởng betalactam của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

01 dòng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường qua 01 ống khói.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại 01 ống thoát khí của 01 hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0 : X = 2364248; Y = 405831.

2.2. Lưu lượng xả khí thải: 6.500 m³/h. Lưu lượng xả thải lớn nhất trong ngày 156.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc của cơ sở (thời gian làm việc 10 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT
			Cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1000
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh tại các phòng sản xuất của xưởng betalactam được thu gom bằng các cửa gió được lắp đặt tại các phòng (Kích thước cửa gió: 0,8x0,5m), sau đó qua các đường ống dẫn có kích thước D400x400 để thu gom vào 03 hệ thống xử lý không khí AHU (kích thước mỗi AHU: 5mx1,6mx1,7m) để lọc không khí sạch cấp lại vào phòng phục vụ cho sản xuất theo tiêu chuẩn GMP-WHO. Một phần bụi, khí thải được dẫn ra hệ thống xử lý khí thải (01 bể chứa nước; 01 tháp xử lý; 01 quạt hút; 01 ống khói khí thải) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Dòng khí thải được hút vào khoang hấp thụ thứ nhất, có lắp đặt đĩa tháp gồm nhiều lỗ nhỏ và dòng khí đi theo chiều từ dưới lên trên. Tháp xử lý được lắp đặt giàn phun sương theo chiều từ trên xuống dưới. Sau đó khí thải chuyển sang khoang hấp thụ lần 2: Khoang này được lắp lại như ở khoang hấp thụ mùi lần 1 nhưng được tăng cường số lượng đĩa tháp để tạo ra đường đi của khí thải zig zắc, giúp sự hòa trộn giữa hai pha khí và lỏng được tốt hơn. Tiếp theo bụi, khí thải được xử lý bằng phương pháp hấp phụ, các chất thải sẽ được hấp phụ bởi chất có khả năng hấp phụ là than hoạt tính. Dòng khí thải đi qua các lớp than hoạt tính theo chiều từ dưới lên. Cấu trúc than hoạt tính gồm nhiều lỗ rỗng kích thước nhỏ hoạt động như một bể khí, giam giữ và hấp thụ hoàn toàn phân tử khí khi dòng thải được dẫn qua buồng hấp thụ.

- Công suất thiết kế: 6.500 m³/giờ, tương đương 156.000 m³/ngày

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

NaOH 5%: 60kg/năm.

Than hoạt tính: 10kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

Biện pháp phòng ngừa

- Hằng ngày tiến hành kiểm tra, kiểm soát định kỳ hệ thống.

- Định kỳ tiến hành bảo trì bảo dưỡng hệ thống.

- Khi có sự cố hệ thống xử lý khí thải xảy ra: Quạt hỏng, vỡ đường ống thu gom,... Công ty sẽ dừng ngay hoạt động của lò để tiến hành khắc phục; Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản,....

* Biện pháp ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/6/2024 đến ngày 30/6/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): 01 vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải	Bụi tổng; CO; SO ₂ ; NO _x (tính theo NO ₂)	1 ngày/1 lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian cụ thể như sau: -Lần 1: 10/06/2024 -Lần 2: 11/06/2024 -Lần 3: 12/06/2024	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. - Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện Tân Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Yên và UBND xã Quế Nham để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GP-UBND ngày /3/2024 của
UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: gồm 02 nguồn**

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống máy móc thiết bị trong xưởng;

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí.

+ Nguồn số 01: 01 vị trí tại khu vực khu vực trong xưởng có tọa độ vị trí phát sinh: X = 2364226; Y = 405881 (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3⁰).

+ Nguồn số 02: 01 vị trí đặt máy nén khí có tọa độ X = 2364237; Y = 405903 (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1 Tiếng ồn:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu gây tiếng ồn cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn.

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm tiếng ồn khi vận hành.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất: Quần áo, khẩu trang, bông bịt tai...

- Không cho xe nổ máy, không bấm còi khi không cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GP-UBND ngày / 3/2024 của
UBND huyện)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã nguy hại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	16 01 06
2	Găng tay, giẻ lau có nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
3	Dầu mỡ động cơ thải	Lỏng	30	17 02 03
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ hộp đựng nguyên liệu)	Rắn	50	18 01 03
5	Bao bì bằng thủy tinh có thành phần nguy hại (vỏ đựng nguyên liệu)	Rắn	50	18 01 04
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Lỏng	5.000	12 06 05
7	Nước thải từ quá trình xử lý khí thải	Lỏng	2.400	15 02 02
8	Than hoạt tính thải	Rắn	10	12 01 04
9	Mực in thải	Rắn	2	08 02 07
Tổng số lượng			7.566	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/tháng)
1	Bao bì nilong	Rắn	30
2	Chai lọ hỏng	Rắn	3

3	Bìa carton	Rắn	5
4	Nhãn mác hồng	Rắn	2
5	Đồ bảo hộ dùng 1 lần	Rắn	12
Tổng số lượng			52

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 10 kg/ngày, chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 05 thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa có nắp đậy riêng biệt dung tích 120 lít/thùng, 02 thùng chứa chất thải nguy hại bằng sắt dung tích 200 lít/thùng, lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 10m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Mái tôn và tường bao quanh bằng tôn, nền láng xi măng, chiều cao công trình khoảng 3m, có cửa ra vào khép kín, dán biển cảnh báo. Nền kho thấp hơn so với mặt bằng sân khoảng 10cm. Có sẵn cát để phòng ngừa sự cố.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành. Tần suất thu gom: 6 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 120lít/thùng tại vị trí thường xuyên phát sinh chất thải.

2.2.2. Kho chứa trong nhà/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải: 10m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải:

- Toàn bộ chất thải rắn sản xuất được lưu chứa trong kho chứa chất thải sản xuất của nhà máy. Diện tích kho chứa chất thải sản xuất: 10m² được bố trí bên ngoài nhà xưởng, cạnh kho chứa chất thải nguy hại.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải sản xuất: Mái tôn và tường bao quanh bằng tôn, nền láng xi măng, chiều cao công trình khoảng 3m, có cửa ra vào khép kín, dán biển cảnh báo. Nền kho thấp hơn so với mặt bằng sân khoảng 10cm.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải sản xuất theo đúng quy định hiện hành. Tần suất thu gom: 6 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Chủ cơ sở bố trí 10 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy tại khu vực văn phòng, khu vực sản xuất nhà ăn dung tích 7L/thùng; 04 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy dung tích 60L/thùng đặt xung quanh sân đường đi để thu gom, lưu chứa tạm thời chất thải sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa:

- Chủ dự án không bố trí kho chứa chất thải sinh hoạt.
- Hàng ngày bố trí công nhân thu gom thu gom về thùng chứa dung tích 160L/thùng đặt tại vị trí dễ quan sát bên ngoài nhà xưởng.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải sản xuất theo đúng quy định hiện hành. Tần suất thu gom: 1 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GP-UBND ngày /3/2024 của
UBND huyện)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.
- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.
- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi thải ra môi trường.
- Vận hành hệ thống xử lý khí thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B trước khi thải ra môi trường.
- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Các nội dung khác: Chi tiết tại nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường./.